

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành Logistics
(22432501)

Ngày thi: 27/08/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A301

Số SV có mặt: 32
Số bài thi: 32
Số tờ giấy thi: 32

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2121240161	Trần Thị Tuyết	Anh	19/06/2003	CCQ2124F	004	Ung Anh	6,9	4,5	5,5
2	2122240085	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	01/09/2004	CCQ2224C	003	Hồng	7,5	7,5	7,5
3	2121240112	Bùi Thị Thanh	Hà	07/12/2003	CCQ2124D	002	Thanh	8,6	7,6	8,0
4	2122240175	Lê Thị Thu	Hà	19/01/2004	CCQ2224F	001	Thu	8,8	5,5	6,8
5	2122240182	Thân Ngọc	Hân	08/01/2004	CCQ2224F	004	Ngọc	8,9	9,2	9,1
6	2122240109	Lê Thùy Mỹ	Hậu	15/09/2004	CCQ2224D	003	Hậu	8,8	6,7	8,8
7	2122240048	Trần Khánh	Hung	02/02/2004	CCQ2224B	002	Khánh	7,4	6,6	6,9
8	2122240110	Hoàng Thị	Mai	10/11/2001	CCQ2224D	001	Mai	9,1	8,2	8,6
9	2122240116	Phạm Quang	Minh	29/10/2003	CCQ2224D	004	Quang	7,2	6,6	6,8
10	2122240200	Huỳnh Thị Trúc	My	25/10/2004	CCQ2224E	003	Trúc	8,5	7,1	7,7
11	2122240070	Nguyễn Vũ Hà	My	13/05/2004	CCQ2224C	004	Hà	7,2	5,4	6,1
12	2122240089	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	10/02/2004	CCQ2224C	001	Ánh	9,7	9,3	9,5
13	2122100212	Nguyễn Trúc Quỳnh	Như	20/06/2004	CCQ2224F			0,0		
14	2122240131	Nguyễn Hồng	Oanh	17/07/1997	CCQ2224E	003	Oanh	7,0	6,0	6,4
15	2122240066	Vũ Thu	Phương	23/01/2003	CCQ2224C	004	Phương	7,0	5,9	6,3
16	2121240176	Đoàn Xuân	Quý	16/06/1999	CCQ2124F	001	Quý	7,5	7,6	7,6
17	2122240191	Nguyễn Trần Ngọc	Quỳnh	27/06/2004	CCQ2224F	002	Ngọc	9,2	8,7	8,9
18	2122240148	Hoàng Đặng Thế	Tân	01/04/2004	CCQ2224E	003	Thế	7,2	7,3	7,3
19	2122240204	Huỳnh Thị Kiều	Thịnh	12/04/2004	CCQ2224C	002	Kiều	7,0	3,3	4,8
20	2122240090	Đặng Trần Anh	Thư	24/11/2004	CCQ2224C	001	Anh	8,8	8,2	8,8
21	2121240073	Lê Nguyễn Hoài	Thương	09/11/2002	CCQ2124C	004	Thương	7,7	7,3	7,5
22	2122120525	Đặng Huỳnh Thị Diễm	Thúy	31/01/2004	CCQ2224F			0,0		
23	2122240173	Hồ Thị Xuân	Thùy	02/10/2004	CCQ2224F	002	Xuân	9,5	9,2	9,3
24	2122240203	Đỗ Thị	Thùy	10/11/2001	CCQ2224D	001	Thị	9,3	8,7	8,9
25	2122240102	Nguyễn Thị	Thúy	02/01/2004	CCQ2224D	004	Thị	8,7	7,7	8,1
26	2122240013	Đặng Thị Mỹ Kim	Tiến	23/04/2001	CCQ2224A	003	Kim	7,0	5,6	6,2
27	2122110238	Nguyễn Hoài	Trọng	15/05/2004	CCQ2224E	002	Trọng	8,3	7,3	7,7
28	2122240107	Ông Thị Cẩm	Trúc	05/01/2004	CCQ2224D	002	Cẩm	7,5	4,5	5,7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

(28)

C. Hòa

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành Logistics
(22432501)

Ngày thi: 27/08/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A301

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Trần Anh

Nguyễn Thị Tuyết Hoa

Nguyễn Thị Tuyết Hoa

Nguyễn Thị Tuyết Hoa

STT	MA SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122240088	Nguyễn Cẩm Tú	01/06/2004	CCQ2224C	03		7,0	4,0	5,2	
30	2120240119	Hồ Thị Thanh	Tuyền	27/05/2002	CCQ2024D		0,0			
31	2121190165	Bá Thị Kim Uyên	28/03/2003	CCQ2124F	04		9,3	9,1	9,2	
32	2122240212	Hồ Thị Phương Uyên	13/06/2004	CCQ2224B	01		9,2	9,1	9,1	
33	2122240195	Thái Kim Phương Uyên	27/10/2004	CCQ2224F	02		9,5	9,3	9,4	
34	2122240047	Nguyễn Thị Vi	04/08/2003	CCQ2224B	03		6,0	6,1	6,1	
35	2122240095	Trần Phạm Long Vũ	19/03/2004	CCQ2224D	01		5,7	4,7	5,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 3 (2023-2024)

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành Logistics
(22432502)
Ngày thi: 27/08/2024
Giờ thi: 7g30
Phòng thi: A301

Cán bộ coi thi 1: *[Signature]* Cán bộ coi thi 2: *[Signature]* G.Viên chấm thi 1: *[Signature]* G.Viên chấm thi 2: *[Signature]*
Số SV có mặt: *4*... Số bài thi: *7*... Số tờ giấy thi: *7*..
Nguyễn Thị Nguyệt Hòa
Nguyễn Thị Phương Linh
C. Linh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122240126	Võ Thị Lan	23/06/2003	CCQ2224LA	001	<i>[Signature]</i>	8,4	7,1	7,6	
2	2122240154	Trần Huỳnh Phúc	08/10/2004	CCQ2224LA	004	<i>[Signature]</i>	8,0	8,7	8,4	
3	2122240127	Nguyễn Ngô Nhật	06/12/2004	CCQ2224LA	003	<i>Lan</i>	8,0	6,1	6,9	
4	2122240130	Huỳnh Nguyễn Trà	10/08/2004	CCQ2224LA	002	<i>[Signature]</i>	6,8	8,0	7,5	
5	2122240153	Huỳnh Ngọc Phương	08/11/2004	CCQ2224LA	001	<i>[Signature]</i>	9,4	9,2	9,3	
6	2122240083	Trương Hữu	08/10/2002	CCQ2224LA	004	<i>[Signature]</i>	8,2	6,6	7,2	
7	2122240124	Huỳnh Thị Bích	26/12/2003	CCQ2224LA	003	<i>[Signature]</i>	9,2	5,7	7,1	